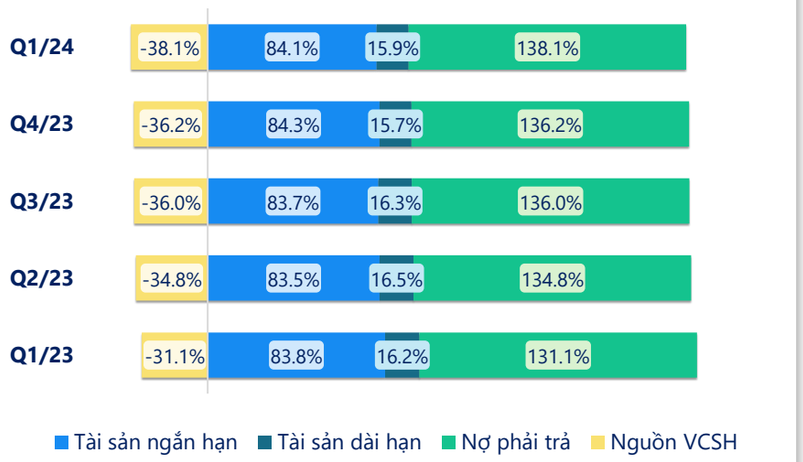
FireAnt

CTCP Lilama 5 (UPCOM: LO5)

Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	1,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	700
SL cổ phiếu LH	5,149,791
KLGD BQ 20 phiên (CP)	225
% sở hữu nước ngoài	0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4
P/E	-0.3
EPS	-2,489

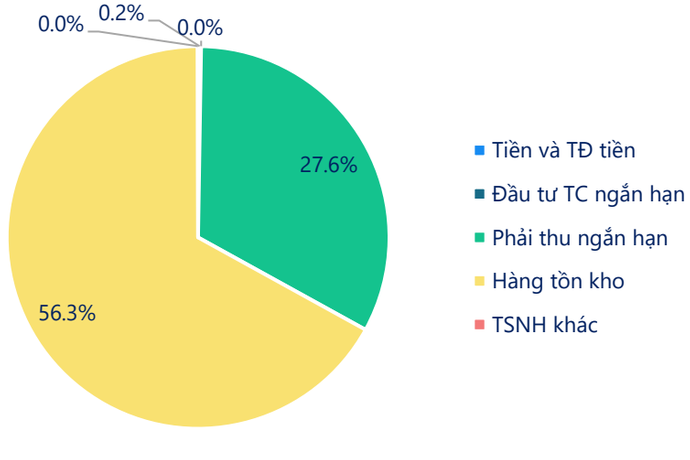
	YTD	1T	3T	6T
LO5	-22.2%	-12.5%	-22.2%	-36.4%
VNINDEX	13.5%	1.8%	14.4%	11.3%

Cơ cấu Tổng tài sản



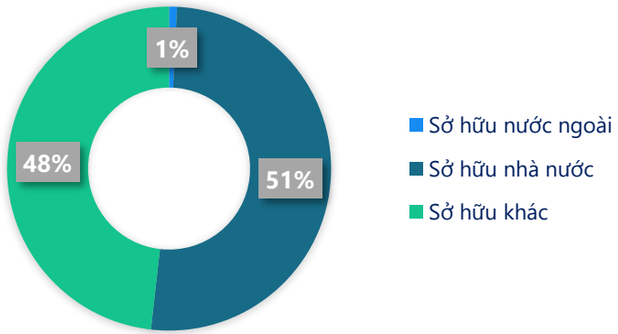
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



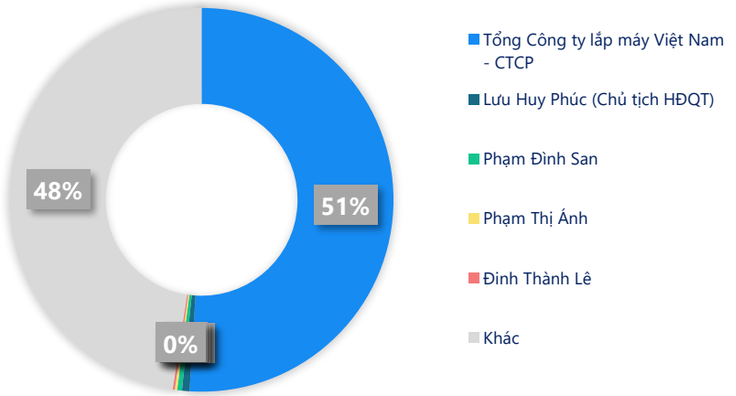
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



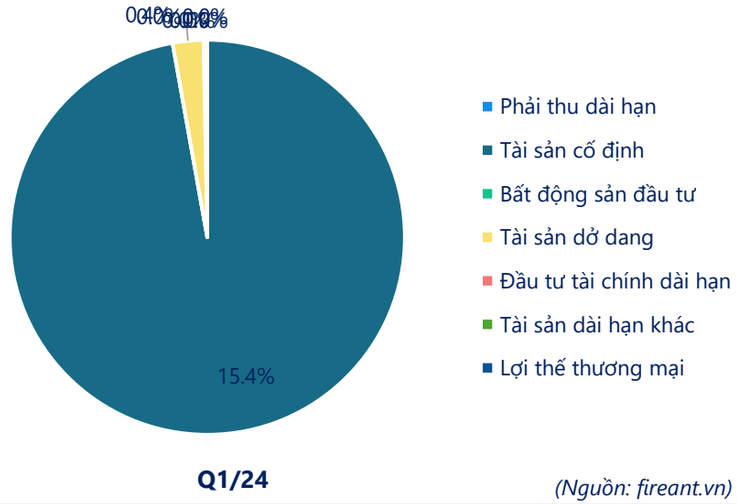
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

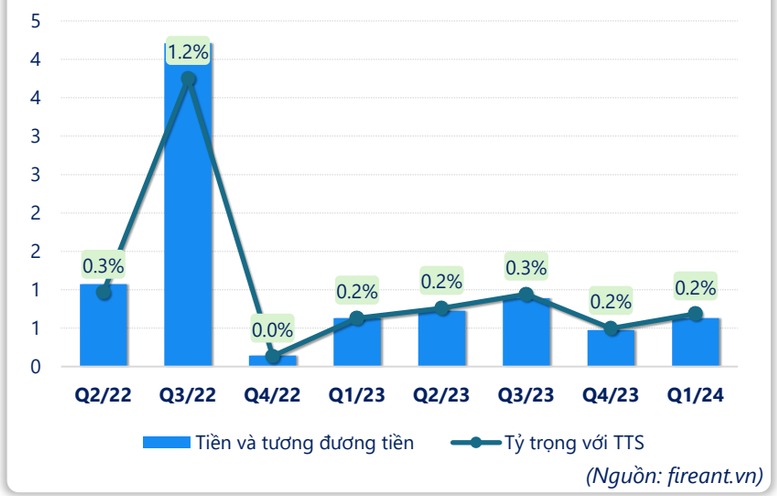


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

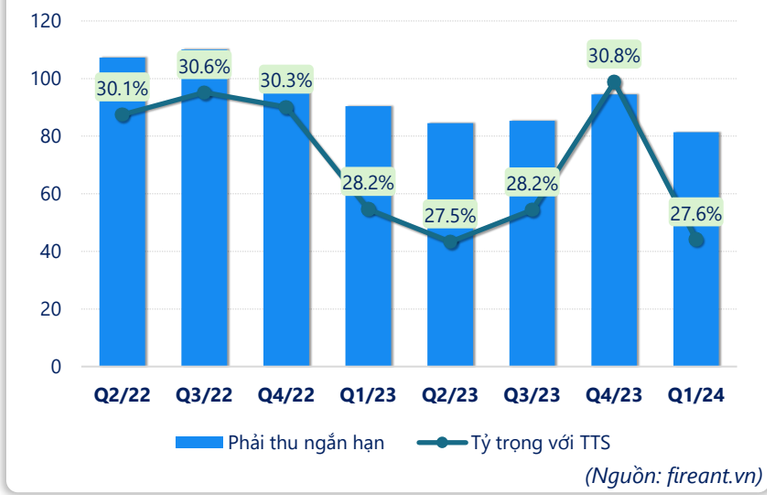
CTCP Lilama 5 (UPCOM: LO5)

Tiền và tương đương tiền



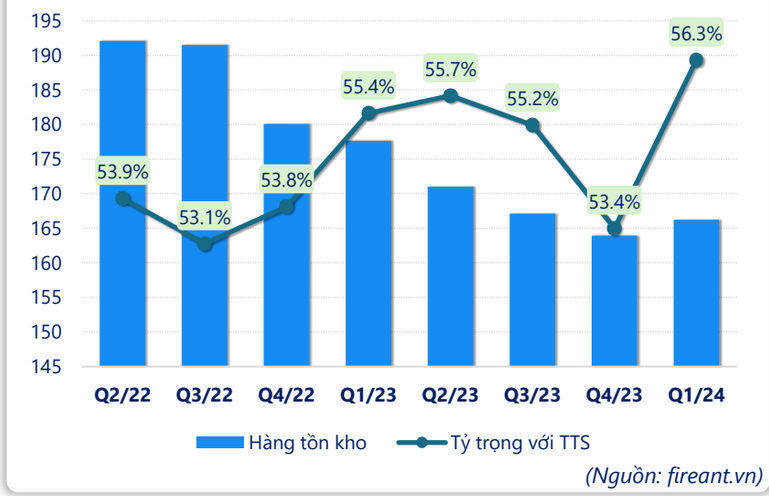
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



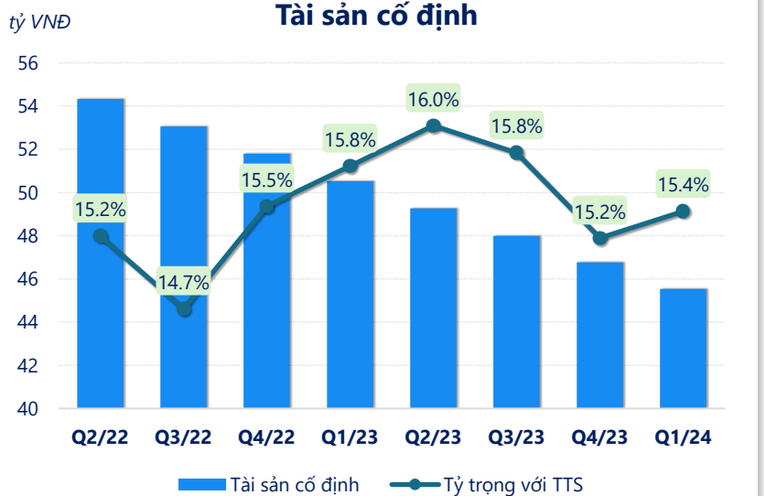
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



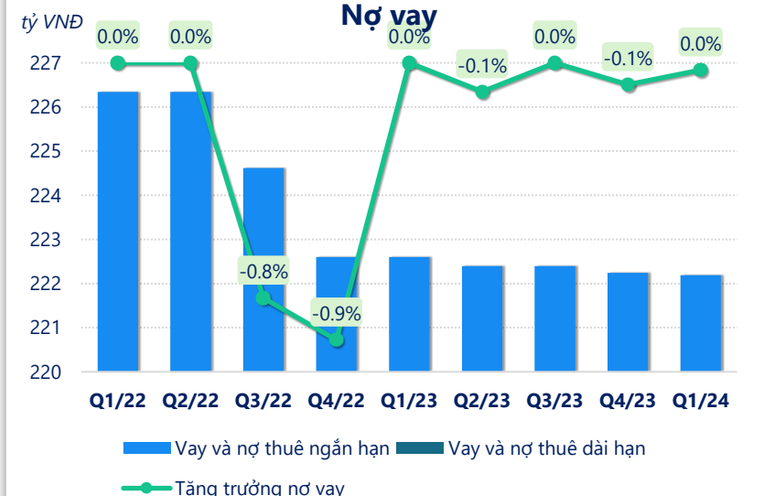
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



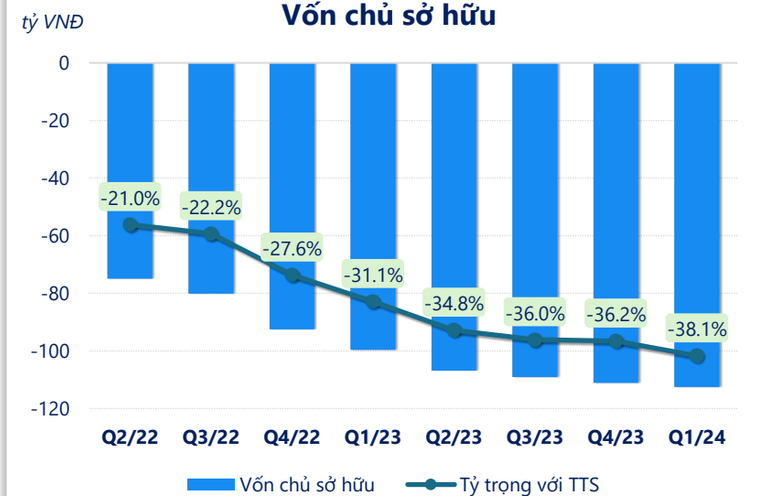
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

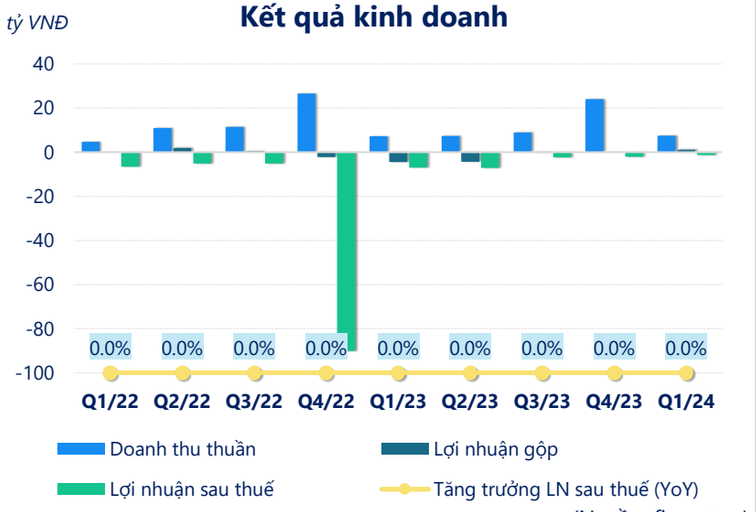


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

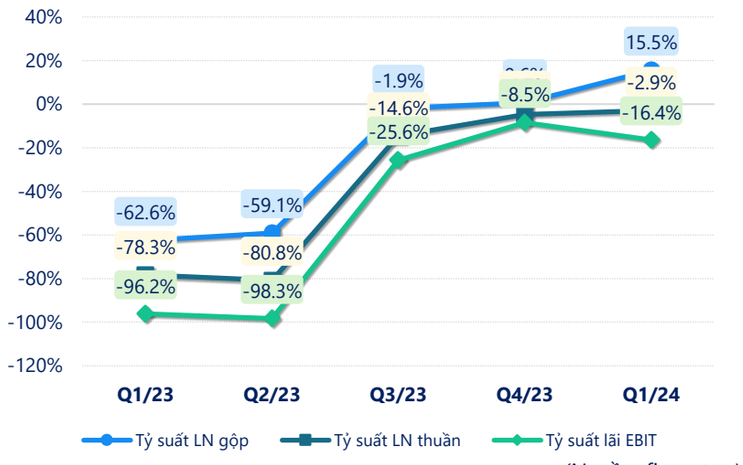
CTCP Lilama 5 (UPCOM: LO5)

Kết quả kinh doanh



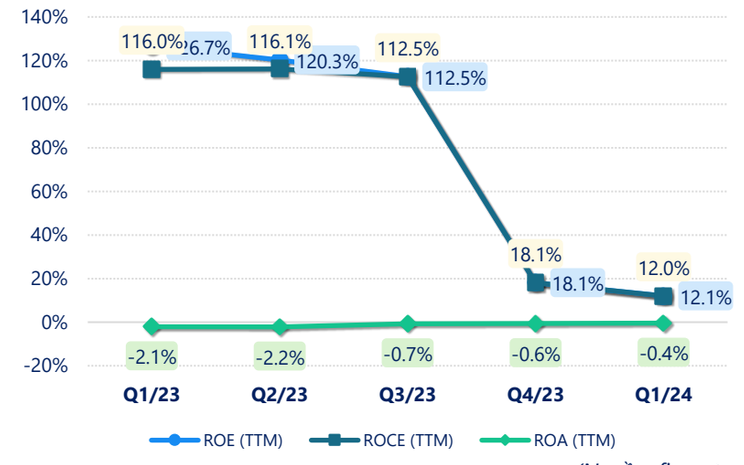
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



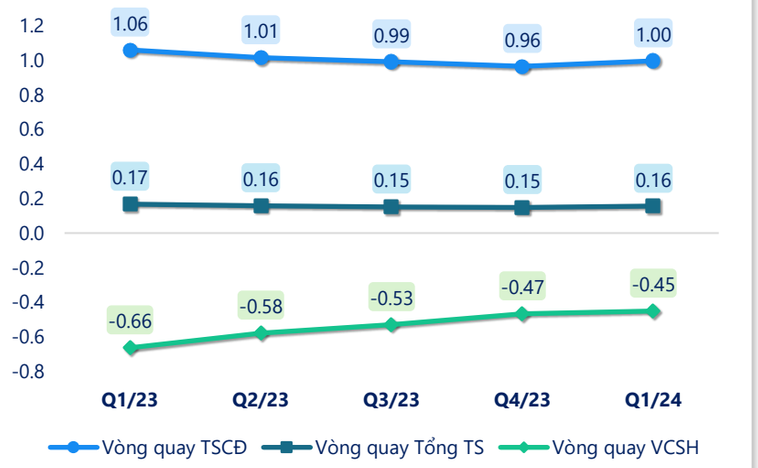
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



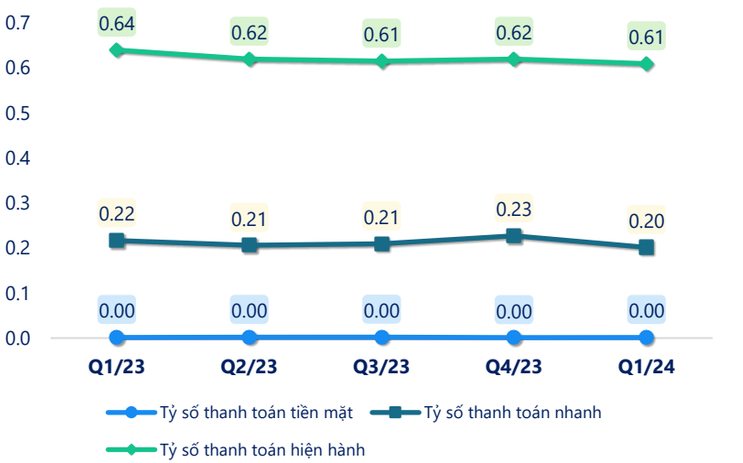
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



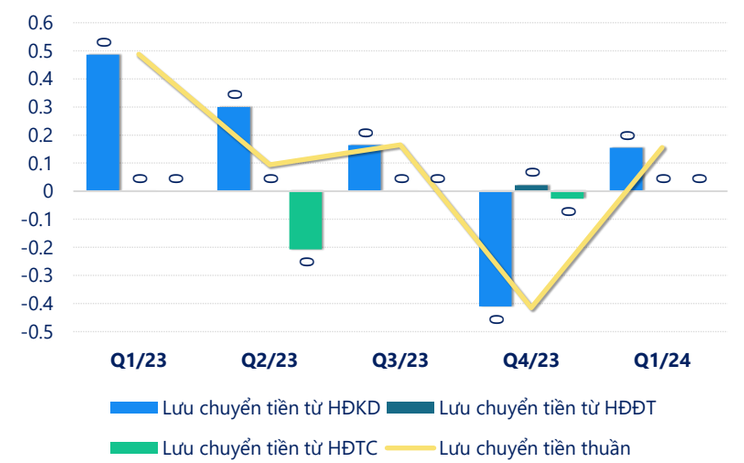
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Lilama 5 (UPCOM: LO5)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**295**	**307**	**-3.8%**
Tài sản ngắn hạn	248	259	-4.1%
Tiền và tương đương tiền	0.63	0.47	32.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	81.4	94.4	-13.8%
Hàng tồn kho	166	164	1.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0.08	0	
Tài sản dài hạn	**46.9**	**48.1**	**-2.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	45.5	46.8	-2.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.18	1.18	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.14	0.19	-26.3%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	408	418	-2.5%
Nợ ngắn hạn	**408**	**418**	**-2.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	222	222	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	66.9	70.0	-4.4%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-113**	**-111**	**-1.2%**
Vốn chủ sở hữu	**-113**	**-111**	**-1.2%**
Vốn điều lệ	51.5	51.5	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Doanh thu thuần	7.20	7.28	8.98	24.1	7.53
Giá vốn hàng bán	11.7	11.6	9.16	23.9	6.36
Lợi nhuận gộp	-4.50	-4.30	-0.17	0.14	1.17
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.02	0.00
Chi phí TC	0.01	0.01	0	0.00	0.06
Chi phí lãi vay	0.01	0.01	0	0.00	0.06
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	1.12	1.58	1.13	1.29	1.33
LN thuần từ HĐKD	-5.63	-5.88	-1.31	-1.13	-0.22
Lợi nhuận khác	-1.30	-1.28	-0.99	-0.92	-1.08
LN trước thuế	-6.93	-7.17	-2.30	-2.05	-1.30
Lợi nhuận sau thuế	-6.93	-7.17	-2.30	-2.05	-1.30
LNST của CĐ cty mẹ	-6.93	-7.17	-2.30	-2.05	-1.30

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.49	0.30	0.16	-0.41	0.15
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.00	0.02	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-0.21	0	-0.03	0
Tiền đầu kỳ	0.14	0.63	0.72	0.89	0.47
Lưu chuyển tiền thuần	**0.49**	**0.09**	**0.17**	**-0.42**	**0.16**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.63	0.72	0.89	0.47	0.63

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic